

Bản hành kèm theo QĐ số ⁴⁹⁵ QĐ-ĐHCN
ngày 17/05/2019

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHƯƠNG TRÌNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hà Nội - 2019

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐƠN VỊ CẤP BẰNG	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	1
2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	1
2.2. Triết lý giáo dục và định hướng phát triển của Khoa Quản lý kinh doanh	5
2.3. Mục tiêu đào tạo	5
3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM	6
4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP...6	
4.1. Thông tin tuyển sinh.....	6
4.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	7
5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	7
5.1 Đội ngũ giảng dạy.....	7
5.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.....	9
6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	11
6.1. Chuẩn bị của giảng viên	12
6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học	12
7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	13
7.1 Quy trình đánh giá.....	13
7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	14
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	14
8.1. Kiến thức toàn khóa	14
8.2. Nội dung chương trình.....	15
8.3. Tiến trình đào tạo	16
8.4. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần.....	17
8.4.1. Phương pháp nghiên cứu khoa học, 2 (1;1)	17
8.4.2. Kinh tế học ứng dụng, 3(3;0).....	17
8.4.3. Lý thuyết quản trị hiện đại, 2(1;1).....	17
8.4.4. Kinh doanh quốc tế, 3 (3,0)	17
8.4.5. Quản trị chuỗi cung ứng, 3(2;1).....	18
8.4.6. Thị trường tài chính và định chế tài chính, 3(3,0).....	18
8.4.7. Quản lý Công nghệ, 3(3;0)	18
8.4.8. Hành vi tổ chức, 2(2;0).....	18
8.4.9. Văn hóa trong kinh doanh, 2 (1;1)	19
8.4.10. Quan hệ công chúng 2 (1;1)	19
8.4.11. Quản trị chiến lược 2 (1;1).....	19
8.4.12. Quản trị nhân lực 3 (2;1).....	20
8.4.13. Quản trị tài chính doanh nghiệp, 2 (1;1).....	20
8.4.14. Quản trị thương hiệu, 2 (1;1).....	20
8.4.15. Kỹ năng lãnh đạo, 2(1;1).....	21
8.4.16. Đấu thầu, 2(1,1).....	21

8.4.17. Quản trị rủi ro, 2 (1;1).....	21
8.4.18. Lượng hóa quản trị sản xuất 2 (1;1).....	21
8.4.19. Thương mại điện tử 2 (1;1).....	22
8.4.20. Quản trị dự án, 2(1;1).....	22
8.4.21. Tinh thần doanh nhân, 2 (1;1).....	22
8.4.22. Quản trị chất lượng, 2 (1;1)	23
8.4.23. Luận văn tốt nghiệp, 10 (0;10)	23
9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	24
10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	26

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình: Quản trị kinh doanh

Năm ban hành: 2019

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐƠN VỊ CẤP BẰNG

Tên chương trình:	
Tiếng Việt:	Quản trị kinh doanh
Tiếng Anh:	Master of Business Administration
Mã ngành:	8340101
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Thời gian đào tạo:	02 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Khoa quản lý CTĐT	Khoa Quản lý kinh doanh

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCN HN); tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Quản lý kinh doanh (QLKD), nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ; là trường đại học đạt chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế một số lĩnh vực; là trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín; là địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

2.1.2. *Sứ mạng*

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.1.3. *Mục tiêu chiến lược*

① Chiến lược phát triển đào tạo

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp trở thành một cơ sở đào tạo chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Các chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thường xuyên được cập nhật, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo được công khai và đảm bảo đánh giá định lượng được;

- Ít nhất 10% thời lượng của mỗi chương trình đào tạo được dành cho thực tập thực tế và hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, seminar bởi các giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia, báo cáo viên có uy tín hoặc kinh nghiệm thực tế ở trong và ngoài nước;

- Tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với tất cả các chương trình đào tạo;

- Quy mô đào tạo chính quy dài hạn duy trì trong khoảng 30.000 – 32.000 học viên, trong đó đào tạo trình độ đại học chiếm trên 90%; tỉ lệ học viên/giảng viên đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25% vào năm 2020; Số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 03 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, học viên với các trường đại học nước ngoài;

- Nâng cao chất lượng đào tạo và khảo thí tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp.

② Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng trường ĐHCN HN thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy, đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội của đất nước;

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới;

- Đưa khoa học và công nghệ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của

Nhà trường và sự phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, Ngành, Nhà nước. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và thương hiệu của trường ĐHCN HN. Phấn đấu đến năm 2020 doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 20% tổng doanh thu của toàn Trường.

③ Chiến lược phát triển cơ sở vật chất, nguồn tài chính

- Xây dựng cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá, cơ sở văn hoá-thể thao) của trường đạt tiêu chuẩn TCVN 20-1985 theo hướng hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN;

- Xây dựng phương án tự chủ đại học, đa dạng hóa nguồn thu, phấn đấu tăng doanh thu tài chính 10% mỗi năm; Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

④ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường;

- Về chất lượng đội ngũ: Đến năm 2025, số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 35%, đạt trình độ thạc sĩ là 65%, 50% giảng viên dưới 40 tuổi có trình độ ngoại ngữ để có thể tham gia các chương trình đào tạo ở nước ngoài; 100% cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sĩ; 100% cán bộ phục vụ có trình độ từ đại học trở lên, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý, nghiệp vụ;

- Xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý theo yêu cầu của từng vị trí công tác trong trường;

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

⑤ Chiến lược nâng cao năng lực quản trị Nhà trường và đảm bảo chất lượng

- Nâng cao năng lực quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế Quốc tế; Thiết lập và áp dụng hệ thống Đại học Điện tử theo mô hình BPM (Business Process Management – Quản trị quá trình tác nghiệp) vào thực hiện và quản lý các hoạt động của Nhà trường;

- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá theo chuẩn quốc gia hoặc quốc tế trong đó ít nhất 20% được kiểm định và công nhận.

⑥ Chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp và việc làm cho học viên

- Trở thành trường đại học có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho học viên hàng đầu ở khu vực phía Bắc. Khẳng định hợp tác với doanh nghiệp là nhân tố tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;

- Phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;

- Đến năm 2020, tỷ lệ học viên có việc làm đạt trên 85% tại thời điểm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, 30% môn học chuyên ngành có sự tham gia giảng dạy/hướng dẫn của chuyên gia đến từ doanh nghiệp.

⑦ Chiến lược phát triển Thương hiệu và Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội.

- 100% các yếu tố nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất trong Nhà trường. Tất cả cán bộ, viên chức và học sinh, học viên Nhà trường xác định và giải thích chính xác ý nghĩa các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường;

- 100% cán bộ, viên chức và học sinh, học viên đạt các tiêu chí “Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội”;

- 100% chương trình đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích trong các hoạt động của Nhà trường được thông tin và truyền thông rộng rãi tới khách hàng và các bên quan tâm. Website thông tin của Nhà trường nằm trong top 500 website được truy cập nhiều nhất Việt Nam;

- 60% doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với Nhà trường được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu Nhà trường. 15% học viên tốt nghiệp được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

⑧ Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

- Tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới, qua đó tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục mở rộng quan hệ Quốc tế hiện có;

- Có quan hệ hợp tác Quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới;

- Huy động sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức, trường đại học Quốc tế phục vụ công tác đào tạo và NCKH, nhằm tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất và học bổng cho học sinh, học viên; Phát huy tiềm năng của Nhà trường về hợp tác Quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Mỗi năm có từ 1-2 nhiệm vụ hợp tác Quốc tế về khoa học và công nghệ.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Kiên định - Khoa học- Khách hàng - Kỹ nghệ - Kết nối - Khác biệt - Kỷ cương - Khách quan.

2.2. Triết lý giáo dục và định hướng phát triển của Khoa Quản lý kinh doanh

2.2.1. Triết lý giáo dục

Học để biết;

Học để làm;

Học để khẳng định bản thân;

Học để chung sống.

(Nguồn: Unesco)

2.2.2. Định hướng phát triển

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ - giảng viên, đổi mới chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng và phương pháp đào tạo theo hướng tích cực nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

2.3. Mục tiêu đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sỹ Quản trị kinh doanh đảm bảo tính quốc tế, đồng thời chú trọng vào điều kiện cụ thể của nền kinh tế Việt Nam. Chương trình cung cấp những kiến thức nâng cao, cập nhật về hoạch định chiến lược kinh doanh, quản trị các nguồn lực trong doanh nghiệp, xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho tổ chức, doanh nghiệp. Học viên tốt nghiệp chương trình có: đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; thái độ hợp tác với đồng nghiệp; ý thức tôn trọng pháp luật, các quy tắc nơi làm việc; đưa ra được các quyết định lãnh đạo, quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức (MT1)

Có kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh như hoạch định chiến lược kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, quản trị thương hiệu, quản trị chuỗi cung ứng, kinh doanh quốc tế.

+ Kỹ năng (MT2)

Có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm để hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo của một nhà quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa.

+ Thái độ (MT3)

Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; thái độ hợp tác với đồng nghiệp; ý thức tôn trọng pháp luật, các quy tắc nơi làm việc.

+ *Trình độ Ngoại ngữ (MT5)*

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được ở mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 của Khung Châu Âu.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

- Nhóm 1 – Lãnh đạo, quản lý cấp cao, cấp trung gian trong các tổ chức: Có khả năng thích ứng cao trong công việc liên quan lãnh đạo. Có thể trở thành giám đốc, trưởng phòng hành chính nhân sự, giám đốc chi nhánh hoặc trưởng phòng quản lý chất lượng quản lý sản xuất hoặc triển vọng có thể trở thành quản lý cấp trung, cấp cao và trưởng bộ phận dự án của doanh nghiệp, có đủ năng lực làm việc để có thể đảm bảo thực hiện tốt các công việc của nhà lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp.

- Nhóm 2 – Khởi nghiệp, tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng: Có đủ năng lực để có thể lên ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch và thực thi kế hoạch kinh doanh.

- Nhóm 3 – Nghiên cứu viên và giảng viên của các trường đại học và viện nghiên cứu: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục về lĩnh vực quản trị kinh doanh. Tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến quản trị kinh doanh; giảng dạy các môn học chung của ngành kinh tế và các môn quản trị. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên có trình độ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

4.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh:

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại <https://cps.hauai.edu.vn/vn>.

- Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; Trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý thì phải học bổ sung kiến thức và có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

4.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm 45 tín chỉ đối với người có trình độ thuộc ngành phù hợp.

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ một năm rưỡi đến hai năm học. Căn cứ vào điều kiện thực tế, Hiệu trưởng Nhà trường cho phép học viên kéo dài thời gian đào tạo, thời gian đào tạo kéo dài thêm không được quá hai năm tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 04 học kỳ.

4.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn;

- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của chủ tịch hội đồng hoặc thành viên hội đồng được chủ tịch hội đồng ủy quyền về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện, nộp luận văn cho Nhà trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định;

- Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Nhà trường quy định.

- Điều kiện khác do Hiệu trưởng Nhà trường quy định.

5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

5.1 Đội ngũ giảng dạy

Khoa Quản lý kinh doanh bao gồm 07 bộ môn: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing, Quản trị nhân lực, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính ngân hàng, Kinh tế đầu tư và Kinh tế cơ sở. Hiện nay, Khoa Quản lý kinh doanh có 88 giảng viên (76 giảng viên cơ hữu, 12 giảng viên mời giảng) và 04 chuyên viên, trong đó có 28 tiến sĩ (31.8%),

60 thạc sĩ (68.2%). Độ tuổi trung bình của cán bộ, giảng viên nằm trong khoảng 30 – 45 tuổi.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa Quản lý kinh doanh năm 2019

STT	Bộ môn	Tổng số giảng viên	Trình độ		Hợp đồng lao động	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cơ hữu	Hợp đồng
1	Quản trị kinh doanh	20	6	14	16	4
2	Quản trị Marketing	10	2	8	9	1
3	Quản trị nhân lực	13	5	8	9	4
4	Tài chính doanh nghiệp	13	4	9	12	1
5	Tài chính ngân hàng	8	5	3	8	0
6	Kinh tế đầu tư	9	3	6	8	1
7	Kinh tế cơ sở	15	3	12	14	1
	Tổng cộng	88	28	60	76	12

Bảng 3. Thống kê đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy cao học ngành QTKD

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Hồng Nga, 1979 Phó trưởng khoa	Phó Giáo sư - 2015, Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Kinh tế	- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Hướng dẫn luận văn
2	Trần Quang Thắng, 1971, Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	- Quản trị sản xuất - Kỹ năng lãnh đạo - Kinh doanh quốc tế
3	Nguyễn Thị Trang Nhung, 1985, Giảng viên	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Quản trị kinh doanh	- Quản trị sản xuất - Quản trị chất lượng - Kinh doanh quốc tế
4	Nguyễn Thị Mai Anh, 1988, Giảng viên	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Quản trị kinh doanh	- Lý thuyết quản trị kinh doanh - Quản trị chuỗi cung ứng
5	Phạm Việt Dũng, 1978 Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản trị kinh doanh	- Chiến lược kinh doanh
6	Ngô Văn Quang, 1984, Giảng viên	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Quản trị kinh doanh	- Chiến lược kinh doanh - Thương mại điện tử
7	Trần Quang Vinh, 1978, Giảng viên	Tiến sĩ, Pháp, 2016	Khoa học quản lý	- Chiến lược kinh doanh - Thương mại điện tử - Quản trị thương hiệu

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
8	Nguyễn Hữu Cung, 1978, Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2014	Quản trị tài chính (Thuế)	- Quản trị tài chính
9	Đỗ Thị Ngọc Lan, 1982, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Tài chính - Ngân hàng	- Thị trường tài chính và các định chế tài chính
10	Lê Đức Thủy, 1982, Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, Pháp, 2013	Khoa học quản lý	- Lý thuyết quản trị kinh doanh - Quản trị nhân lực
11	Trần Ánh Phương, 1984, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế quốc tế	- Hành vi tổ chức - Quản trị nhân lực
12	Vũ Đình Khoa, 1980, Trưởng Khoa	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế phát triển	- Kinh tế học ứng dụng - Phương pháp nghiên cứu khoa học
13	Hà Thành Công, 1979, Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2017	Kinh tế ứng dụng	- Kinh tế học ứng dụng - Phương pháp nghiên cứu khoa học
14	Nguyễn Hoàng Nam, 1973, Giảng viên	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Kinh tế phát triển	- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Kinh tế học ứng dụng
15	Nguyễn Mạnh Cường, 1980, Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế đầu tư	- Quản trị dự án
16	Cao Văn Trường, 1980, Giảng viên	Tiến sĩ, Pháp, 2014	Khoa học quản lý	- Đấu thầu - Quan hệ công chúng
17	Đỗ Hải Hưng, 1988, Giảng viên	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2016	Kinh tế vùng	- Đấu thầu - Quản trị nhân lực

5.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

5.2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Bảng 4. Thống kê phòng học, giảng đường và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Stt	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học, giảng đường	20	70	Máy tính Máy chiếu	1/phòng 1/phòng	Học phần có trong CTĐT
2	Phòng học ngoại ngữ	10	60	Máy tính Máy chiếu	1/phòng 1/phòng	

Stt	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
				Đài đĩa Đầu video Tai nghe	1/phòng 1/phòng 1/phòng	Ngoại ngữ
3	Phòng máy tính	2	250	Máy tính Máy chiếu	1/phòng 1/phòng	Tin học

(Nguồn: Khoa QLKD)

Số lượng phòng học và phòng thực hành hiện tại đảm bảo đáp ứng tốt các điều kiện về cơ sở vật chất cho học viên khoa QLKD nói chung và ngành QTKD nói riêng học tập và thực hành trực tiếp theo phân phối thời lượng chương trình.

Số lượng phòng học và phòng thực hành hiện tại đảm bảo đáp ứng tốt các điều kiện về cơ sở vật chất cho học viên khoa QLKD nói chung và ngành QTKD nói riêng học tập và thực hành trực tiếp theo phân phối thời lượng chương trình và tình hình đăng ký học phần theo tín chỉ theo nguyện vọng của học viên.

5.2.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo.

Nhà trường có 03 trung tâm thông tin thư viện với tổng diện tích 6.500m² (trong đó diện tích các phòng đọc, nghiên cứu, hội thảo là 4.500m² và diện tích 2.000m² kho chứa) với trên 300.000 đầu sách, số đầu sách và giáo trình điện tử >10.000 đơn vị, hệ thống phòng đọc, phòng nghiên cứu, tra cứu tài liệu hiện đại.

Trung tâm sử dụng hệ quản trị thư viện Libol 6.0 (Library Online 6.0), sử dụng công nghệ mã vạch để quản lý hoạt động thư viện. Nhà trường đã xây dựng trang Website thư viện <http://lib.hau.edu.vn/> để phục vụ cho học viên. Ngoài ra, Thư viện Nhà trường còn kết nối với thư viện của Bộ Giáo dục & Đào tạo <http://ebook.moet.gov.vn> giúp cho học viên, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm nhà trường đầu tư hàng tỉ đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng vốn đầu sách trong thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

* Phòng đọc tài liệu điện tử

- Số lượng phòng: 02
- Diện tích phòng: 100 m²/phòng
- Nguồn kinh phí xây dựng do nhà trường đầu tư; Tổng mức đầu tư trên 2 tỉ đồng
- Mục đích sử dụng:

- + Đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử
- + Khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet
- + Thực hành, mô phỏng các thí nghiệm qua các phần mềm đã được cài đặt

** Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

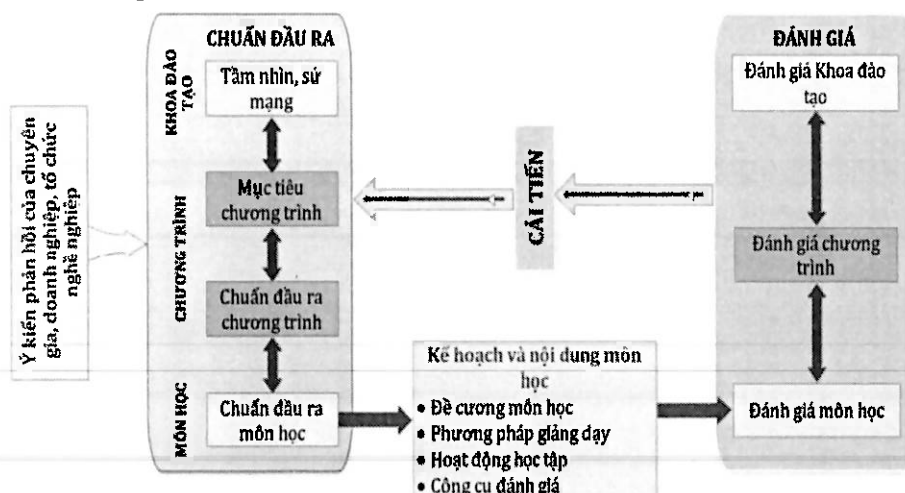
- Diện tích phòng: 500 m²
- Mục đích sử dụng: Đọc các tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí
- Các trang thiết bị chính: Phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 10.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học. Tổng mức đầu tư trên 1,5 tỉ đồng do Nhà trường đầu tư. Phục vụ cùng một lúc trên 500 chỗ ngồi.

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 03
- Diện tích phòng: 150 m²/phòng
- Mục đích sử dụng: Dùng để báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ luận văn tốt nghiệp
- Các trang thiết bị chính: Đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hội thảo. Cho phép hội thảo trực tuyến qua mạng internet không phân biệt khoảng cách địa lý.

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa QLKD tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra ở cấp độ chương trình. Từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của khoa QLKD

(Nguồn: trường ĐHCN HN)

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành QTKD được trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp);
- Nắm rõ kiểu dạy học;
- Hiểu rõ học viên của mình;
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của giảng viên và học viên: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như Bảng 5.

Bảng 5. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của học viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thực tế doanh nghiệp	Mô phỏng; Thực địa
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Học viên	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
	thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

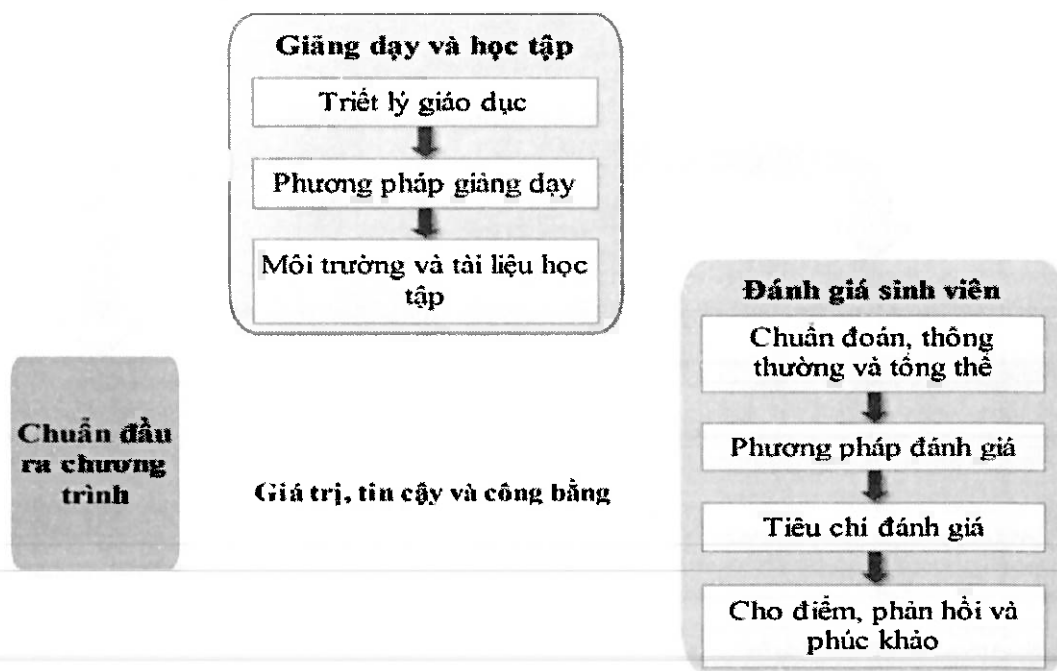
(Nguồn: trường ĐHCN HN)

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một cán bộ ngành QTKD;
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực giảng dạy;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1 Quy trình đánh giá



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá học viên

(Nguồn: trường ĐHCN HN)

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần, chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát học viên về môn học giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, học viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, ... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc.

8.1. Kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 45 tín chỉ, trong đó:

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/ TN/TL	TT/ ĐA	
Kiến thức Giáo dục đại cương	5	3	2	0	11.1%
Kiến thức Cơ sở ngành	13	11	2	0	28.9%
Kiến thức Chuyên ngành	17	8	9	0	37.8%
Kiến thức Tốt nghiệp	10	0	0	10	22.2%
Tổng cộng:	45	22	13	10	

8.2. Nội dung chương trình

Bảng 6. Nội dung chương trình đào tạo

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5	3	2
1	LP	7101	Triết học	3	7	1
2	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
3	FL	7101	Tiếng Anh *			
n	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			13	11	2
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			5	4	1
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	3	0
2	BM	7108	Lý thuyết quản trị hiện đại	2	1	1
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)			8	7	1
2.2.1	Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6	6	0
1	BM	7103	Kinh doanh quốc tế	3	3	0
2	BM	7114	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0
3	BM	7121	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3	3	0
4	BM	7111	Quản lý công nghệ	3	3	0
2.2.2	Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2	1	1
1	BM	7102	Hành vi tổ chức	2	2	0
2	BM	7123	Văn hóa trong kinh doanh	2	1	1
3	BM	7110	Quan hệ công chúng	2	1	1
4	LP	71.02	Pháp luật về kinh doanh.	2	1	1
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			17	9	8
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			11	6	5
1	BM	7113	Quản trị chiến lược	2	1	1
2	BM	7116	Quản trị nhân lực	3	2	1
3	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	1	1
4	BM	7119	Quản trị thương hiệu	2	1	1

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL
5	BM	7105	Kỹ năng lãnh đạo	2	1	1
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6	3	3
1	BM	7101	Đầu đầu	2	1	1
2	BM	7117	Quản trị rủi ro	2	1	1
3	BM	7107	Lượng hóa quản trị sản xuất	2	1	1
4	BM	7122	Thương mại điện tử	2	1	1
5	BM	71.15	Quản trị dự án	2	1	1
6	BM	7120	Tinh thần doanh nhân	2	1	1
7	BM	7112	Quản trị chất lượng	2	1	1
IV PHẢN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP				10	0	10
1	BM	7106	Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh	10	0	10
TỔNG CỘNG (I+III+IV)				45	23	22

8.3. Tiến trình đào tạo

Bảng 7. Tiến trình đào tạo

Học kỳ I		Học kỳ II		Học kỳ III		Học kỳ IV	
Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức
LP7001	Kiến thức chung	7003	Cơ sở tự chọn A	BM7019	Chuyên ngành bắt buộc	BM7006	Luận văn tốt nghiệp
BM7009		7014		BM7005			
		7021		BM7001			
		7011					
BM7004	Cơ sở bắt buộc	BM7002	Cơ sở tự chọn B	BM7017	Chuyên ngành tự chọn		
BM7008		BM7023		BM7007			
		BM7010		BM7022			
		LP7002		BM7015			

BM7018	Chuyên ngành bắt buộc	BM7013	Chuyên ngành bắt buộc	BM7020		
		BM7016		BM7012		
FL7001	Tiếng Anh	FL7001	Tiếng Anh	FL7001	Tiếng Anh	

8.4. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng học phần

8.4.1. Phương pháp nghiên cứu khoa học, 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc khối kiến thức chung cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, vai trò của nghiên cứu khoa học đối với đời sống kinh tế xã hội, các bước tiến hành một nghiên cứu khoa học và các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản trong nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng trong đời sống kinh tế xã hội nói chung và trong ngành quản trị kinh doanh nói riêng.

8.4.2. Kinh tế học ứng dụng, 3(3;0)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn kinh tế cơ sở, Khoa Quản lý kinh doanh.
- Mô tả học phần:

Thuộc khối kiến thức chung, học phần kinh tế học ứng dụng cung cấp những kiến thức lý thuyết từ cơ bản đến nâng cao về thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố sản xuất, độc quyền, tăng trưởng - phát triển kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô, nguyên tắc ra quyết định của nhà quản trị, nhà hoạch định chính sách và cách thức vận dụng chúng trong đời sống thực tế

8.4.3. Lý thuyết quản trị hiện đại, 2(1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Học phần nghiên cứu các vấn đề về các lý thuyết quản trị hiện đại theo các trường phái khác nhau: lý thuyết quản trị theo quá trình và lý thuyết quản trị theo tình huống. Nội dung các lý thuyết này là cơ sở nền tảng để nghiên cứu các học phần chuyên sâu và giải thích các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

8.4.4. Kinh doanh quốc tế, 3 (3,0)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Học phần sẽ nghiên cứu tập trung vào các yếu tố chính trị, luật pháp, kinh tế và văn hóa xã hội tác động đến hoạt động kinh doanh quốc tế. Thông qua các buổi thảo luận và bài tập tình huống, học phần sẽ giúp học viên hiểu được các vấn đề quan trọng trong kinh doanh quốc tế như toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia, chiến lược phát triển kinh doanh quốc tế, các liên minh kinh tế, Cơ hội và thách thức khi các doanh nghiệp hội nhập.

8.4.5. Quản trị chuỗi cung ứng, 3(2;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản lý kinh doanh.
- Mô tả học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho các học viên một số những công cụ cơ bản như: xây dựng kế hoạch cung ứng; Thiết kế mạng lưới phân phối và hợp đồng cung ứng; Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng. Học phần này nhằm phát triển cho các học viên những kỹ năng phân tích quá trình quản trị chuỗi cung ứng và có thể can thiệp để cải thiện hiệu quả chuỗi cung ứng; Vận dụng các kỹ thuật để xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng;

- + Đánh giá đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng.;
- + Đưa ra được quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng.

8.4.6. Thị trường tài chính và định chế tài chính, 3(3,0)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Tài chính ngân hàng, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Học phần này được bố trí trong học kỳ 2 của năm học thứ 1 thuộc chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần nghiên cứu các vấn đề về các thành phần của thị trường tài chính như thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường các công cụ tài chính phái sinh; các định chế tài chính như ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm,...

8.4.7. Quản lý Công nghệ, 3(3;0)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về quản trị công nghệ trong doanh nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản như các lý thuyết về công nghệ, năng lực công nghệ, dự báo và hoạch định công nghệ, lựa chọn và đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, quản lý công nghệ và mô hình quản lý công nghệ.

8.4.8. Hành vi tổ chức, 2(2;0)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị nhân lực, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về hành vi của cá nhân, hành vi của nhóm và hành vi của tổ chức. Môn học tập trung-làm rõ nhu cầu và thái độ của của người lao động diễn ra như thế nào khi họ tham gia hoạt động trong nhóm và trong tổ chức nhằm giúp các nhà quản lý có được những giải pháp và cách thức tác động phù hợp để tăng tính hiệu quả trong quá trình lao động.

8.4.9. Văn hóa trong kinh doanh, 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị Marketing, Khoa Quản lý kinh doanh

- Mô tả học phần:

Văn hoá kinh doanh chính là nền tảng tinh thần, là linh hồn cho hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Xu thế hội nhập kinh tế của các quốc gia vào nền kinh tế thế giới ngày càng sâu, rộng thì càng gia tăng mức độ phức tạp, quyết liệt trong cạnh tranh. Để các doanh nghiệp có thể tồn tại và có những bước phát triển đột phá, vững chắc thì nhất thiết những doanh nghiệp này phải cam kết và thúc đẩy phát triển một nền văn hoá phát triển kinh doanh. Học phần văn hoá phát triển kinh doanh tập trung vào việc đưa ra những giải pháp để xây dựng và duy trì một loại hình văn hoá phát triển kinh doanh. Học phần giúp cho học viên thông hiểu, phân biệt được cơ sở lý thuyết về văn hóa kinh doanh và phát triển kinh doanh; đánh giá được tầm quan trọng của phát triển văn hoá kinh doanh; xây dựng và duy trì văn hóa kinh doanh cho các doanh nghiệp; ứng xử có văn hóa trong kinh doanh; xây dựng văn hóa kinh doanh quốc tế.

8.4.10. Quan hệ công chúng 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị marketing - Khoa Quản lý kinh doanh

- Mô tả học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm giới thiệu đến học viên tổng quan về lĩnh vực quan hệ công chúng (PR). Học phần sẽ nhấn mạnh quan hệ công chúng là một chức năng quản trị chiến lược và quá trình lập kế hoạch, phát triển, thực hiện và đánh giá hiệu quả của chương trình quan hệ công chúng. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu vai trò của quan hệ công chúng trong công tác quản trị xung đột và khủng hoảng cũng như là nội dung cơ bản của các hoạt động quan hệ công chúng.

8.4.11. Quản trị chiến lược 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị marketing - Khoa Quản lý kinh doanh

- Mô tả học phần:

Xu hướng khu vực hoá, toàn cầu hoá là một tất yếu đã dẫn đến sự gia tăng mạnh mẽ về cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Trước thực tế đó, để tạo ra sự thành công lâu dài cho doanh nghiệp đòi hỏi các nhà quản trị phải đặc biệt quan tâm đến công tác quản trị chiến lược. Quản trị chiến lược là một trong những môn học chuyên ngành khó nhưng rất quan trọng trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành quản

trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho học viên chiều sâu kiến thức về chiến lược, về lợi thế cạnh tranh, các cấp chiến lược trong một doanh nghiệp. Môn học giúp cho học viên nhận thức được rõ ràng tầm quan trọng của công tác quản trị chiến lược đối với sự thành công hay thất bại của các doanh nghiệp khi mà các doanh nghiệp hoạt động trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, áp lực cạnh tranh cao và môi trường kinh doanh luôn biến đổi theo chiều hướng ngày càng phức tạp.

8.4.12. Quản trị nhân lực 3 (2;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị marketing, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Học phần nghiên cứu các vấn đề về quản trị nhân lực, bao gồm: Hoạch định, tuyển dụng, đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, thực hiện đánh giá hiệu quả công việc, từ đó thực hiện chính sách đãi ngộ lao động và quan hệ lao động, cuối cùng thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực. Cung cấp cho người học kiến thức trong việc phân tích, tổng hợp và đánh giá được công tác hoạch định, tuyển dụng, đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, thực hiện đánh giá hiệu quả công việc, từ đó thực hiện chính sách đãi ngộ lao động và quan hệ lao động, cuối cùng thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực. Học phần cung cấp cho học viên Kỹ năng xây dựng bản mô tả và tiêu chuẩn chuyên môn công việc; lập được kế hoạch nguồn nhân lực; Ra được quyết định về cách thức tuyển mộ; phương pháp tuyển chọn và xây dựng thông báo tuyển dụng, bảng hỏi phỏng vấn; Xác định nhu cầu đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo, ủy thác công việc hiệu quả và đánh giá được hiệu quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực.

8.4.13. Quản trị tài chính doanh nghiệp, 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho học viên các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Các vấn đề tài chính doanh nghiệp bao gồm: quản lý tài sản, quản lý nguồn vốn, quản lý doanh thu - chi phí - lợi nhuận, phân tích tài chính doanh nghiệp. Các vấn đề quản trị tài chính bao gồm sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, định giá doanh nghiệp khi sáp nhập và hợp nhất, quyết định đầu tư, quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp trong điều kiện rủi ro.

8.4.14. Quản trị thương hiệu, 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị marketing, Khoa Quản lý kinh doanh
- Mô tả học phần:

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, vấn đề thương hiệu được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Xây dựng và phát triển thương hiệu là vấn đề sống còn của các doanh nghiệp. Ngày nay, thương hiệu không-chỉ đơn thuần là dấu hiệu để phân biệt hàng hóa và dịch vụ của một doanh nghiệp với hàng hóa, dịch vụ của đối thủ cạnh tranh như quan điểm truyền thống, mà thương hiệu là hình ảnh, uy tín của doanh nghiệp trong tâm trí của khách hàng. Tạo dựng một thương hiệu là một quá trình phấn đấu và đầu tư lâu dài của doanh nghiệp. Quản trị thương hiệu là môn học quan trọng của chuyên ngành quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu, đặc tính thương hiệu, giá trị thương hiệu, xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu.

8.4.15. Kỹ năng lãnh đạo, 2(1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản lý kinh doanh.
- Mô tả học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các nhà quản trị trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp. Học phần tập trung vào các phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo hiệu quả trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp cho học viên khả năng vận dụng và phát triển các kỹ năng lãnh đạo trong từng tình huống quản trị cụ thể, lựa chọn chiến lược ảnh hưởng phù hợp với tình huống quản trị; lựa chọn được mô hình quyền lực, sự ảnh hưởng trong thực tế quản trị; hình thành được kỹ năng lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp.

8.4.16. Đấu thầu, 2(1,1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Kinh tế đầu tư, Khoa Quản lý kinh doanh.
- Mô tả học phần:

Học phần đấu thầu giúp người học hiểu rõ những vấn đề chung về đấu thầu như các khái niệm, bản chất, vai trò của đấu thầu. Học viên nắm rõ các hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu, được rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch đấu thầu cho một dự án đầu tư, lập hồ sơ mời thầu, dự thầu và có năng lực đánh giá hồ sơ dự thầu, ra quyết định lựa chọn nhà thầu. Đồng thời, xây dựng ý thức và thái độ chuyên nghiệp, tuân thủ quy trình, quy định trong hoạt động đấu thầu.

8.4.17. Quản trị rủi ro, 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Tài chính ngân hàng, Khoa Quản lý kinh doanh.
- Mô tả học phần:

Học phần này được bố trí trong học kỳ 1 của năm học thứ 2 thuộc chương trình ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản quản trị rủi ro, các phương pháp nhận dạng rủi ro, phương pháp đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro và quản trị một số loại rủi ro điển hình trong kinh doanh.

8.4.18. Lượng hóa quản trị sản xuất 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Kinh tế đầu tư, Khoa Quản lý kinh doanh.

- Mô tả học phần: Thuộc khối kiến thức chuyên ngành, học phần lượng hóa quản trị trang bị cho học viên những kiến thức lượng hóa, và mô hình hóa các vấn đề của quản trị nhằm hỗ trợ cho các hoạt động điều hành, quản trị doanh nghiệp. Học viên có thể mô hình hóa, lượng hóa các vấn đề như: Thiết kế, hoạch định tiến trình và phân tích (mô phỏng), thiết kế công việc và đo lường tác nghiệp, quản lý nguyên vật liệu (mua sắm, tồn trữ...), điều độ sản xuất và phân tích các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

8.4.19. Thương mại điện tử 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị marketing, Khoa Quản lý kinh doanh

- Mô tả học phần:

Môn học giúp cho học viên ngành Quản trị kinh doanh có những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến các hoạt động thương mại điện tử trong kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập, ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật số. Học viên có được các kiến thức về thương mại điện tử (TMĐT), bao gồm:

- Duy trì và phát triển Website TMĐT;

- Thanh toán qua mạng;

- Vấn đề bảo mật và an ninh trên mạng;

- Chính sách và pháp luật về TMĐT

8.4.20. Quản trị dự án, 2(1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Kinh tế đầu tư, Khoa Quản lý kinh doanh.

- Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần bản về dự án và quản trị dự án, bao gồm các vấn đề như: Lựa chọn dự án đầu tư; Thiết kế tổ chức bộ máy thực hiện dự án; Quản trị thực hiện dự án (bao gồm việc lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực; quá trình giám sát, kiểm soát thực hiện dự án); Đánh giá rủi ro dự án và kết thúc dự án. Học phần cung cấp cho học viên:

+ Hiểu rõ các khái niệm về dự án, quản trị dự án và các cấu trúc tổ chức để quản trị dự án; phân tích vai trò, trách nhiệm và các kỹ năng, phẩm chất cần phải có của nhà quản trị dự án;

+ Hình thành một số kỹ thuật để tham gia lập dự án phát triển dự án; hiểu rõ quy trình xây dựng dự án đầu tư;

+ Phân tích được các phương pháp đánh giá, so sánh lựa chọn dự án, hoạch định, lập tiến độ và điều chỉnh tiến độ, và các phương pháp kiểm soát dự án và các vấn đề ảnh hưởng đến sự thành công trong quản trị dự án đầu tư.

8.4.21. Tinh thần doanh nhân, 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị marketing, Khoa Quản lý kinh doanh.

- Mô tả học phần:

Xu hướng khu vực hoá, toàn cầu hoá đã và đang khiến cho tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thị trường ngày càng mạnh mẽ và khốc liệt. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, để chiến thắng trong cuộc cạnh tranh này, các doanh nghiệp cần phải nhận thức được tầm trọng của tinh thần doanh nhân và đây chính là cội nguồn của sức mạnh doanh nghiệp. Một người có tinh thần doanh nhân là người sẵn sàng và quyết tâm chuyển đổi những ý tưởng sáng tạo thành những hoạt động đổi mới. Tinh thần doanh nhân tạo ra một sự "đào thải sáng tạo" xuyên suốt các thị trường và ngành công nghiệp, tạo ra những ngành nghề kinh doanh và mô hình kinh doanh mới, đào thải những mô hình cũ và lạc hậu, kém hiệu quả. Và như thế, trong tầm dài hạn, tinh thần doanh nhân tạo ra một sự tăng trưởng kinh tế nhanh và vững chắc. Vì vậy, học phần Tinh thần doanh nhân sẽ cung cấp những kiến thức hữu ích cho các nhà quản trị doanh nghiệp và những người có ý chí lập nghiệp bằng con đường kinh doanh. Học phần giúp học viên nhận biết được đặc điểm và tố chất để có tinh thần doanh nhân; hình thành được nội dung, các bước xây dựng tinh thần doanh nhân.

8.4.22. Quản trị chất lượng, 2 (1;1)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản lý kinh doanh

- Mô tả học phần:

Học phần giúp người học sẽ làm chủ được kiến thức có liên quan đến chất lượng và quản trị chất lượng thông qua việc nghiên cứu lý thuyết, làm bài tập thực hành và nghiên cứu các bài tập tình huống. Nội dung học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cần có của người quản lý về quản lý chất lượng sản phẩm nói chung và dịch vụ nói riêng của doanh nghiệp.

Học phần trang bị cho học viên kiến thức tổ chức các hoạt động có phối hợp để nhận biết, đánh giá và đưa ra những giải pháp nhằm định hướng và kiểm soát một tổ chức về mặt chất lượng. Học phần cung cấp công cụ kiểm soát chất lượng, các phương pháp đánh giá chất lượng, xây dựng, duy trì và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Sau khi học xong, học viên biết sử dụng thành thạo các công cụ thống kê cơ bản trong kiểm soát chất lượng, biết tính toán và ứng dụng các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm, hiểu được các yêu cầu của hệ thống quản trị chất lượng trong doanh nghiệp, các hệ thống quản trị chất lượng phổ biến hiện nay. Học viên phát huy khả năng tổng hợp và xử lý thông tin, có thái độ cẩn thận, chính xác, khách quan trong đánh giá chất lượng, biết phối hợp với các thành viên khác giải quyết các vấn đề chất lượng của tổ chức.

8.4.23. Luận văn tốt nghiệp, 10 (0;10)

- Bộ môn, khoa phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản lý kinh doanh

- Mô tả học phần:

Học phần này được bố trí trong học kỳ 2 của năm học thứ 2 thuộc chương trình thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này được thực hiện sau khi học viên đã được học xong kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh. Sau khi học xong học phần này các học viên được củng cố lại những kiến thức lý thuyết, vận dụng sáng tạo những nội dung lý thuyết, trau dồi thêm về nghiệp vụ của học viên. Hoàn thiện học phần này học viên có kỹ năng: tổng quan cơ sở lý luận và xây dựng được mô hình nghiên cứu; thu thập tổng hợp và xử lý được số liệu thực tế; viết báo cáo khoa học về vấn đề nghiên cứu; thuyết trình bảo vệ luận văn trước hội đồng.

9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học uy tín trong nước (Phụ lục 1)
- CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học nước ngoài (Phụ lục 2)

Bảng 8. Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo

Tên trường	Đại học Ngoại thương ^[1]	Đại học Nam Columbia ^[2]	Đại học CNHN
Khối kiến thức			
Kiến thức chung	9		5
Kiến thức cơ sở	21		13
Kiến thức chuyên ngành	24	12	17
Tự chọn	12		
Môn học bắt buộc	12	24	
Luận văn tốt nghiệp	7		10
Tổng số	61	36	45

(Nguồn: Khoa QLKD)

Bảng 9. Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường

Tên trường	Đại học ngoại thương ^[1]	Đại học Nam Columbia ^[2]	Đại học CNHN
Học phần			
Kiến thức chung			5
Triết học	4		3
Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	2
Tiếng Anh *	4		
Kiến thức cơ sở			13
Bắt buộc			
Kinh tế học ứng dụng	3		3

Tên trường Học phần	Đại học ngoại thương [1]	Đại học Nam Columbia [2]	Đại học CNHN
Lý thuyết kinh doanh hiện đại			2
Tự chọn			8
Kinh doanh quốc tế	3	3	3
Quản trị chuỗi cung ứng			3
Thị trường tài chính và định chế tài chính			3
Quản lý công nghệ			3
Hành vi tổ chức	3		2
Văn hóa trong kinh doanh			2
Quan hệ công chúng			2
Pháp luật về kinh doanh.	3		2
Kiến thức chuyên ngành			17
Bắt buộc			11
Quản trị chiến lược	3	3	2
Quản trị nhân lực		3	3
Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3	2
Quản trị thương hiệu			2
Kỹ năng lãnh đạo	3		2
Tự chọn			6
Đấu thầu			2
Quản trị rủi ro	3		2
Lượng hóa quản trị sản xuất	3		2
Thương mại điện tử	3		2
Quản trị dự án	3	3	2
Tinh thần doanh nhân	3		2
Quản trị chất lượng			2
Luận văn thạc sĩ	12		10

(Nguồn: Khoa QLKD)

[1] Việt Nam (phụ lục 01)

+ Cơ sở đào tạo: Đại học ngoại thương

+ Địa chỉ trang Web: <https://sdh.ftu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nganh-quan-tri-kinh-doanh-theo-dinh-huong-ung-dung/>

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2019

[2] Nam Columbia (phụ lục 02)

+ Cơ sở đào tạo: Đại học Nam Columbia

+ Địa chỉ trang Web: <https://www.columbiasouthern.edu.vn>

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2019

10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, theo quy chế giảng dạy và quy chế học vụ của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Nhằm tăng cường tính tự chủ của các khoa, đảm bảo việc xây dựng các chương trình đào tạo cụ thể phù hợp với đặc điểm riêng của hướng chuyên ngành đào tạo, của thị trường lao động khu vực và thế mạnh của cơ sở đào tạo, khung chương trình được thiết kế gồm 2 phần: Phần bắt buộc và phần tự chọn.

+ Phần bắt buộc: phần kiến thức chung, tổng quan về quản trị kinh doanh, có nội dung ít thay đổi theo thời gian, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản.

+ Phần tự chọn: phần dành cho khoa đào tạo tự xây dựng các học phần mới hay chọn trong số các học phần tự chọn được đề nghị với số đơn vị tín chỉ còn lại.

Hà Nội, ngày...17 tháng...05 năm 2019

P. TRƯỞNG KHOA

(ký tên, ghi rõ họ tên)



Phạm Văn Bổng

TS. Vũ Đình Khoa

Phụ lục 1. Khung chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh – trường Đại học ngoại thương

Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Bộ môn phụ trách	Khoa/ Viện phụ trách chuyên môn
Phần chữ	Phần số			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn	Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn		
Phần kiến thức chung (General Knowledge)			9						
TRI	601	Triết học (Philosophy)	4	45	0	45	90	Triết học	LLCT
TAN	601	Tiếng Anh (English)	4	60	0	0	120	TACS	TACN
PPH	602	Chuyên đề hướng dẫn viết luận văn (Guide to master's thesis writing)	1	8	0	21	16	QTCL &KN	QTKD
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành (Core and Professional Knowledge)			45						
1. Kiến thức cơ sở ngành (Core Knowledge)			21						
1.1. Các học phần bắt buộc (Core courses)			12						
QTR	625	Thống kê ứng dụng cho nhà quản trị điều hành (Statistics in business)	3	30	0	45	60	Thống kê	QTKD
QTR	609	Quản trị chiến lược kinh doanh quốc tế (International Strategic Management)	3	30	0	45	60	QTCL &KN	QTKD
KET	602	Kế toán quản trị (Managerial Accounting)	3	30	0	45	60	KTQT	KTKT
QTR	624	Tinh thần doanh nhân, Khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ (Euntrepreneur spirit, Euntrepreneurship and SME management)	3	30	0	45	60	QTCL &KN	QTKD

1.2. Các học phần tự chọn – chọn 3 trong số các học phần sau (Elective courses – Select 3 out of the following courses)			2						
PPH	604	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giáo dục đại học (Rerearch and Teaching Methodologies for Higher Education)	3	30	0	45	60	PTKN	QTKD
QTR	603	Hệ thống thông tin và xử lý thông tin kinh tế (Information System and Economic data analysis)	3	30	0	45	60	TMĐT	QTKD
KET	603	Kế toán tài chính (Financial Accounting)	3	30	0	45	60	KTQT	KTKT
KDO	607	Kinh doanh quốc tế (International Business)	3	30	0	45	60	KDQT	KT&K DQT
KTE	606	Kinh tế học quản lý (Managerial Economics)	3	30	0	45	60	Kinh tế ứng dụng	KTQT
KTE	609	Kinh tế lượng (Econometrics)	3	30	0	45	60	Kinh tế lượng	KTQT
QTR	621	Quản trị Thương mại điện tử (E-commerce)	3	30	0	45	60	TMĐT	QTKD
QTR	620	Quản trị thay đổi (Change management)	3	30	0	45	60	QTCL &KN	QTKD
2. Kiến thức chuyên ngành (Professional Knowledge)			24						
2.1 Các học phần bắt buộc (Core courses)			12						
MKT	603	Quản trị Marketing quốc tế (International Marketing Management)	3	30	0	45	60	Marketing	KT&K DQT
QTR	618	Quản trị tài chính doanh nghiệp (Corporate Financial Management)	3	30	0	45	60	QTTC	QTKD

QTR	617	Quản trị tác nghiệp (Operations management)	3	30	0	45	60	QTTN	QTKD
PLU	622	Pháp luật kinh doanh quốc tế (International Business Law)	3	30	0	45	60	PLKDQT	Luật
2.2. Các học phần lựa chọn – chọn 4 trong số các học phần sau (Elective courses – Select 4 out of the following courses)			<u>12</u>						
QTR	610	Quản trị dự án (Project management)	3	30	0	45	60	QTTC	QTKD
QTR	602	Hành vi tổ chức (Organizational Behavior)	3	30	0	45	60	QTNNL	QTKD
PLU	619	Pháp luật doanh nghiệp (Corporate Law)	3	30	0	45	60	PLKDQT	Luật
QTR	604	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership Skills)	3	30	0	45	60	QTNNL	QTKD
QTR	616	Quản trị rủi ro (Risk Management)	3	30	0	45	60	QTTC	QTKD
TMA	618	Thuế trong kinh doanh quốc tế (Taxes in International Business)	3	30	0	45	60	TMQT	KT&K DQT
PLU	606	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế (Dispute Settlement in International Business)	3	30	0	45	60	PLKDQT	Luật
TMA	606	Đàm phán quốc tế (International Negotiations)	3	30	0	45	60	Giao dịch TMQT	KT&K DQT
DTU	605	Thị trường chứng khoán (Stock Market)	3		0	45	60	ĐTCK	TCNH
Luận văn thạc sĩ (Master Thesis)			7						
Tổng cộng			61						

Phụ lục 2. Khung chương trình thạc sĩ QTKD – Đại học Nam Columbia

Môn học bắt buộc (với tất cả các chuyên ngành)	24
ACC 5301 – Ứng dụng Quản lý của Kế toán	3
BUS 6320 – Quản trị Chiến lược Toàn cầu	3
MBA 5401 – Hệ thống Thông tin Quản lý	3
MBA 5501 – Marketing nâng cao	3
MBA 5652 – Các phương pháp Nghiên cứu	3
MBA 6053 – Kinh tế học Quản lý	3
FIN 6301 – Tài chính Doanh nghiệp	3
MHR 6451 – Quản trị Nguồn nhân lực	3
Chuyên ngành Tổng hợp	12
MBA 6601 – Kinh doanh Quốc tế	3
MBA 6961 – Quản trị Dự án	3
MBA 6301 – Đạo đức Kinh doanh	3
MSL 6040 – Vấn đề hiện tại trong Nghệ thuật Lãnh đạo	3
Chuyên ngành Tài chính	12
FIN 6302 – Quản trị Tài chính nâng cao	3
MBA 6641 – Kinh tế Quốc tế	3
MBA 6651 – Tài chính Quốc tế	3
PUA 5305 – Ngân sách và Tài chính công	3
Chuyên ngành Chăm sóc Sức khỏe	12
MHA 5001 – Quản trị Tài chính Chăm sóc sức khỏe	3
HCA 5302 – Nền tảng Pháp lý của lĩnh vực Chăm sóc sức khỏe	3
MHA 5201 – Phân tích Chính sách và Nguồn lực Sức khỏe	3
MHA 6501 – Quản trị Chăm sóc sức khỏe Nâng cao	3
Chuyên ngành Quản trị Nhân sự	12
MHR 6401 – Luật lao động	3
MHR 6551 – Đào tạo và Phát triển	3
HRM 6304 – Quan hệ Lao động và Thỏa ước Tập thể	3

MHR 6901 – Quản trị Tiền lương	3
Chuyên ngành Marketing	12
MKT 5302 – Marketing Số chiến lược	3
MKT 5303 – Phân tích Dữ liệu và Nghiên cứu Marketing	3
MKT 5304 – Quản lý Thương hiệu Chiến lược và Marketing Sản phẩm mới	3
MBA 5305 – Marketing B2B	3
Chuyên ngành Quản trị Dự án	12
MGT 6302 – Cách thức và Chiến lược Quản trị Dự án	3
MGT 6303 – Các bên liên quan Dự án	3
MBA 6951 – Quản lý Dự án Tổng thể	3
MBA 6961 – Quản trị Dự án	3
Chuyên ngành Quản trị công	12
PUA 5301 – Hành chính Cơ sở công	3
PUA 5305 – Ngân sách và Tài chính công	3
PUA 5306 – Chính sách công	3
PUA 5307 – Lập kế hoạch Chiến lược	3
Chuyên ngành Khởi sự Doanh nghiệp	12
BUS 5301 Khởi sự Kinh doanh và Đổi mới	3
BUS 6304 Khởi sự mạo hiểm Kinh doanh nhỏ	3
FIN 5301 Quản trị Tài chính Đổi mới và Phát triển Kinh doanh	3
MKT 5306 Marketing Khởi nghiệp	3

